



Phụ lục I
DANH MỤC HOÁ CHẤT CƠ BẢN THUỘC LĨNH VỰC
CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT TRỌNG ĐIỂM

(Kèm theo Nghị định số 24/2026/NĐ-CP
ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã số CAS	Công thức hóa học
1.	1,3-Butadiene	1,3-Butadien	106-99-0	C ₄ H ₆
2.	Ethanoic acid	Axit Axetic (GAA)	64-19-7	C ₂ H ₄ O ₂
3.	Acrylonitrile	Acrylonitrile	107-13-1	C ₃ H ₃ N
4.	Ammonia (anhydrous)	Amoniac (khan)	7664-41-7	NH ₃
5.	Argon	Argon	7440-37-1	Ar
6.	Hydrochloric acid	Axit Hydrochloric	7647-01-0	HCl
7.	Nitric acid	Axit nitric	7697-37-2	HNO ₃
8.	Phosphoric acid	Axit photphoric	7664-38-2	H ₃ PO ₄
9.	Sulfuric acid	Axit Sulfuric	7664-93-9	H ₂ SO ₄
10.	Benzene	Benzen	71-43-2	C ₆ H ₆
11.	1-Buten	1-Butene	106-98-9	C ₄ H ₈
12.	Diisocyanate (TDI, MDI, HDI...)	Diisocyanate (TDI, MDI, HDI...)	---	---
13.	Ethanol	Etanol	64-17-5	C ₂ H ₆ O
14.	Ethylene glycol	Ethylene glycol	107-21-1	C ₂ H ₆ O ₂
15.	Ethylene	Etylen	74-85-1	C ₂ H ₄
16.	Ethylene oxide	Etylen oxit	75-21-8	C ₂ H ₄ O
17.	Hydrogen fluoride	Hydro florua	7664-39-3	HF
18.	Hydrogen peroxide	Hydro peroxit	7722-84-1	H ₂ O ₂

STT	Tên khoa học (danh pháp IUPAC)	Tên chất	Mã số CAS	Công thức hóa học
19.	Isopropyl alcohol	Isopropanol	67-63-0	C_3H_8O
20.	Manganese sulfate	Mangan Sunphat	7785-87-7	$MnSO_4$
21.	Methanol	Metanol	67-56-1	CH_4O
22.	2-Butanone	Methyl ethyl ketone (MEK)	78-93-3	C_4H_8O
23.	Sodium Bicarbonate	Natri bicarbonat	144-55-8	$CHNaO_3$
24.	Sodium hydroxide	Natri hydroxit	1310-73-2	$NaOH$
25.	n-Butanol	n-Butanol	71-36-3	$C_4H_{10}O$
26.	Nitrogen	Nitơ	7727-37-9	N_2
27.	Oxygen	Oxy	7782-44-7	O_2
28.	Phenol	Phenol	108-95-2	C_6H_6O
29.	Phosphorus trihydride (phosphine)	Photpho trihydrua (photphin)	7803-51-2	PH_3
30.	Phosphorus pentachloride	Phosphorus pentachloride	10026-13-8	PCl_5
31.	1-Propene	Propylen	115-07-1	C_3H_6
32.	Silane	Silan	7803-62-5	SiH_4
33.	Titanium dioxide	Titan dioxit	13463-67-7	TiO_2
34.	Methyl benzene	Toluene	108-88-3	C_7H_8
35.	Triethanolamine	Triethanol amine	102-71-6	$C_6H_{15}NO_3$
36.	Vinyl benzene (styrene)	Vinyl benzen	100-42-5	C_8H_8
37.	Vinyl chloride	Vinyl clorua	75-01-4	C_2H_3Cl
38.	Cyclohexane	Xyclohexan	110-82-7	C_6H_{12}
39.	Xylene	Xylen	1330-20-7	C_8H_{10}